**TRẮC NGHIỆM CHƯƠNG 1: BẰNG CHỨNG VÀ CƠ CHẾ TIẾN HÓA**

Câu 1. Bằng chứng sinh học phân tử là dựa vào các điểm giống nhau và khác nhau giữa các loài về

A. Cấu tạo trong của các nội quan.

B. Các giai đoạn phát triển phôi thai.

C. Cấu tạo pôlipeptit hoặc pôlinuclêôtit.

D. Đặc điểm sinh học và biến cố địa chất.

Câu 2. Người và tinh tinh khác nhau, nhưng thành phần axit amin ở chuỗi β Hb như nhau chứng tỏ cùng nguồn gốc thì gọi là

A. Bằng chứng giải phẫu so sánh.

B. Bằng chứng phôi sinh học.

C.Bằng chứng địa lí sinh học.

D. Bằng chứng sinh học phân tử.

Câu 3. Đâu không phải là bằng chứng sinh học phân tử?

A. Protein của loài đều cấu tạo từ khoảng 20 loại axit amin.

B. ADN của các loài sinh vật đều được cấu tạo từ 4 nucleotit.

C. Mã di truyền của đa số các loài sinh vật đều có đặc điểm giống nhau.

D. Cơ thể sống được cấu tạo từ tế bào.

Câu 4.Người đầu tiên đưa ra khái niệm biến dị cá thể là

A. Đacuyn. B. Menđen. C. Moocgan. D. Lamac.

Câu 5. Khi nói về học thuyết tiến hóa của Đacuyn, phát biểu nào sau đây không đúng?

A. Nguyên nhân dẫn đến sự hình thành các đặc điểm thích nghi trên cơ thể sinh vật là do CLTN tác động thông qua đặc tính biến dị và di truyền của sinh vật.

B. CLTN là quá trình đào thải các sinh vật mang các biến dị không thích nghi và giữ lại các sinh vật mang các biến dị giúp chúng thích nghi.

C. Hạn chế của học thuyết Đacuyn là chưa làm rõ được nguyên nhân phát sinh và cơ chế di truyền của biến dị.

D. Để giải thích về nguồn gốc các loài, theo Đacuyn nhân tố tiến hoá quan trọng nhất là biến dị cá thể.

Câu 6. Theo Đacuyn, quá trình CLTN có vai trò

A. Hình thành tập quán hoạt động ở động vật.

B. Tích lũy các biến dị có lợi, đào thải các biến dị có hại đối với sinh vật.

C. Là nhân tố chính hình thành các đặc điểm thích nghi trên cơ thể sinh vật.

D. Tạo sự biến đổi của cơ thể sinh vật thích ứng với những đặc điểm của ngoại cảnh.

Câu 7. Theo Đacuyn, loài mới được hình thành từ từ qua nhiều dạng trung gian

A. và không có loài nào bị đào thải.

B. dưới tác dụng của môi trường sống.

C. dưới tác dụng của chọn lọc tự nhiên theo con đường phân ly tính trạng từ một nguồn gốc chung.

D. dưới tác dụng của các nhân tố tiến hoá.

Câu 8. Theo Đacuyn, đơn vị tác động của chọn lọc tự nhiên là

A. Cá thể. B. Quần thể. C. Giao tử. D. Nhiễm sắc thể.

Câu 9. Giải thích mối quan hệ giữa các loài Đacuyn cho rằng các loài

A. là kết quả của quá trình tiến hoá từ rất nhiều nguồn gốc khác nhau.

B. là kết quả của quá trình tiến hoá từ một nguồn gốc chung.

C. được biến đổi theo hướng ngày càng hoàn thiện nhưng có nguồn gốc khác nhau.

D. đều được sinh ra cùng một thời điểm và đều chịu sự chi phối của chọn lọc tự nhiên.

Câu 10. Tồn tại chủ yếu trong học thuyết Đacuyn là chưa

A. hiểu rõ nguyên nhân phát sinh biến dị và cơ chế di truyền các biến dị.

B. giải thích thành công cơ chế hình thành các đặc điểm thích nghi ở sinh vật.

C. đi sâu vào các con đường hình thành loài mới.

D. làm rõ tổ chức của loài sinh học.

Câu 11.  Đacuyn quan niệm biến dị cá thể là

A. Những biến đổi trên cơ thể sinh vật dưới tác động của ngoại cảnh và tập quán hoạt động.

B. Sự phát sinh những sai khác giữa các cá thể trong loài qua quá trình sinh sản.

C. Những biến đổi trên cơ thể sinh vật dưới tác động của ngoại cảnh, tập quán hoạt động nhưng di truyền được.

D. Những đột biến phát sinh do ảnh hưởng của ngoại cảnh.

Câu 12. Tiến hóa lớn là quá trình:

A. Hình thành các nhóm phân loại trên loài.

B. Hình thành loài mới.

C. Biến đổi kiểu hình của quần thể dẫn tới sự hình thành loài mới.

D. Biến đổi thành phần kiểu gen của quần thể dẫn đến sự hình thành các nhóm phân loại trên loài.

Câu 13. Tiến hóa nhỏ là quá trình:

A. Hình thành các nhóm phân loại trên loài.

B. Biến đổi thành phần kiểu gen của quần thể dẫn đến sự hình thành kiểu hình.

C. Biến đổi kiểu hình của quần thể dẫn tới sự hình thành loài mới.

D. Biến đổi thành phần kiểu gen của quần thể dẫn đến sự hình thành loài mới.

Câu 14. Theo quan niệm thuyết tiến hóa hiện đại thực chất của quá trình chọn lọc tự nhiên là sự phân hóa:

A. khả năng sống sót giữa các cá thể trong quần thể.

B. giữa các cá thể trong loài.

C. giữa các quần thể.

D. khả năng sống sót và khả năng sinh sản của những kiểu gen khác nhau trong quần thể.

Câu 15. Theo thuyết tiến hóa hiện đại, phát biểu nào sau đây đúng?

A. Các yếu tố ngẫu nhiên làm nghèo vốn gen quần thể, giảm sự đa dạng di truyền nên không có vai trò đối với tiến hóa.

B. Khi không có tác động của đột biến, chọn lọc tự nhiên và di nhập gen thì tần số alen và thành phần kiểu gen của quần thể sẽ không thay đổi.

C. Qúa trình tiến hóa nhỏ diễn ra trên quy mô quần thể và diễn biến không ngừng dưới tác động của nhân tố tiến hóa.

D. Chon lọc tự nhiên luôn làm thay đổi đột ngột tần số alen và thảnh phần kiểu gen của quần thể.

Câu 16. Giao phối không ngẫu nhiên thường làm thay đổi thành phần kiểu gen của quần thể theo hướng

A. làm giảm tính đa hình quần thể.

B. giảm kiểu gen dị hợp tử, tăng kiểu gen đồng hợp tử.

C. thay đổi tần số alen của quần thể.

D. tăng kiểu gen dị hợp tử, giảm kiểu gen đồng hợp tử.

Câu 17. Hình thành loài bằng con đường con đường cách li địa lí thường xảy ra đối với loài:

A. Có khả năng phát tán mạnh.

B. Thực vật.

C. Động vật bậc cao.

D. Động vật.

Câu 18. Hình thành loài bằng con đường con đường cách li địa lí, phát biểu nào dưới đây là không đúng

A. Hình thành loài bằng con đường địa lí là phương thức có cả ở động vật và thực vật.

B. Trong những điều kiện sống khác nhau, chon lọc tự nhiên đã tích lũy các đột biến và biến dị tổ hợp theo những hướng khác nhau dần dần hình thành những nòi địa lí rồi hình thành loài mới.

C. Điều kiện địa lí là nguyên nhân trực tiếp gây ra những biến đổi tương ứng trên cơ thể sinh vật.

D. Khi loài mở rộng khu phân bố điều kiện khí hậu địa chất khác nhau ở những vùng lãnh thổ mới hoặc khu phân bố bị chia cắt do các vật cản địa lý sẽ làm cho các quần thể trong loài bị cách li nhau.

Câu 19. Tại sao trên các đảo và quần đảo đại dương hay tồn tại những loài đặc trưng không có ở nơi nào khác trên trái đất?

A. Do cách li địa lí và chọn lọc tự nhiên diễn ra trong môi trường đặc trưng của quần đảo qua thời gian dài

B. Do các loài này có nguồn gốc từ trên đảo và không có điều kiện phát tán đi nơi khác.

C. Do cách li sinh sản giữa các quần thể trên từng đảo nên mỗi đảo hình thành loài đặc trưng.

D. Do trong cùng điều kiện tự nhiên, chọn lọc tự nhiên diễn ra threo hướng tương tự nhau.

Câu 20. Hãy chọn phương án trả lời đúng nhất: Từ quần thể cây 2n, người ta tạo ra quần thể cây 4n. Quần thể cây 4n có thể xem là quần thể mới vì?

A. Quần thể cây 4n có sự khác biệt với quần thể cây 2n về số lượng nhiễm sắc thể.

B. Quần thể cây 4n không thể giao phấn với cây của quần thể cây 2n.

C Quần thể cây 4n giao phấn được với cây của quần thể cây 2n cho ra cây lai 3n bất thụ.

D. Quần thể cây 4n có các đặc điểm hình thái như kích thước, các cơ quan sinh dưỡng lớn hơn hẳn các cây của quần thể cây 2n.